

Bản án số: 476/2024/HS-PT

Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Trương Công Thi

ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 436/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo **Phan Văn T** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1928/2024/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phan Văn T**, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông **Phan Văn T1** và con bà **Nguyễn Thị V**; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18 tháng 01 năm 2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo **Phan Văn T**: Luật sư **Lưu Thị L - Văn phòng L1**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **số B P, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 18 tháng 01 năm 2024, **Lê Gia P** (sinh năm 1995; trú tại: **thôn H, H, H, Quảng Trị**) chở **Phan Văn T** bằng xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 74D1-219.09 của **P** đi từ **huyện T, tỉnh Quảng Trị vào thành phố Đà Nẵng** để tìm kiếm việc làm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, **Lê Gia P** và **Phan Văn T** đến một quán cà phê trên **đường P thuộc quận L, thành phố Đà Nẵng** để uống nước và nghỉ ngơi. Sau đó, **Lê Gia P** điều khiển xe mô tô đi giải quyết công việc cá nhân, còn **T** ngồi tại quán cà phê. Tại đây, **T** gặp một người đàn ông (không rõ lý lịch, địa chỉ, theo **T** khai người này trước đây làm chung công trình với **Tuởng**), sau một lúc nói chuyện thì người đàn ông này nhờ **T** mang giúp 01 gói ma túy loại Ketamine vào **thành phố T** để giao cho một người tên **H** và **H** sẽ trả công cho **Tuởng** 3.000.000 đồng. **Tuởng** đồng ý thì người đàn ông này bảo **Tuởng** đưa số điện thoại của **Tuởng** cho ông ta, khi nào **T** vào đến **T** thì **H** sẽ liên lạc với **T** để nhận ma túy. **Tuởng** cho người đàn ông biết số điện thoại của **T** là 0777340496, tiếp đó người đàn ông này lấy từ trong túi xách ra 01 gói ni lông bên trong có chứa ma túy Ketamine rồi đưa cho **T**, **T** cầm gói ma túy cất giấu vào trong túi quần phía trước, bên phải mà mình đang mặc. Sau khi người đàn ông này ra về thì **T** gọi điện thoại cho **Lê Gia P** trở lại quán cà phê và nhờ **P** chở **T** vào **thành phố T** để **Tuởng** giải quyết việc cá nhân. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, **T** và **P** đến **thành phố T**, **T** bảo **P** điều khiển xe mô tô đi dạo quanh **thành phố T** (mục đích là để chờ người đàn ông tên **H** gọi điện thoại đến lấy ma túy). Khi **P** và **T** dừng xe trước **nhà nghỉ Đ** trên **đường Đ, phường A, thành phố T** thì bị lực lượng Công an phát hiện, kiểm tra, thu giữ trong túi quần của **Tuởng** 01 gói ni lông bên trong có chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng (thử nhanh, cân khối lượng là ma túy loại Ketamine có khối lượng là 103,08gam). **Công an thành phố T** lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Phan Văn T** về hành vi “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Tại bản giám định số 93/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận: chất rắn, dạng tinh thể màu trắng gửi đi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 103,109 gam.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Phan Văn T** phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, bị cáo **Phan Văn T** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là quá nặng, xin Toà án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Bị cáo **Phan Văn T** trình bày giữ nguyên Đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo **Phan Văn T** là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Khối lượng ma túy bị cáo **Phan Văn T** vận chuyển là 103,109 gam, loại Ketamine. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Phan Văn T** về tội “*Vận chuyển bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng: bị cáo **Phan Văn T** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra **Phan Văn T** có tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra nên đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo phạm tội nhưng chưa thu lợi bất chính. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thống nhất lời phát biểu của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo **Phan Văn T** tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, bị cáo **Phan Văn T2** cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Phan Văn T**:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà xét xử phúc thẩm bị cáo **Phan Văn T** khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại quán cà phê trên **đường P thuộc quận L, thành phố Đà Nẵng**, **Phan Văn T** đồng ý nhận và vận chuyển 01 gói ma túy loại Ketamnie có khối lượng 103,109 gam từ một người đàn ông (không rõ lý lịch, địa chỉ) vào **thành phố T, tỉnh Quảng Nam** để giao cho một người tên **H** (không rõ lý lịch, địa chỉ) và hưởng tiền công 3.000.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, tại trước **nhà nghỉ Đ trên đường Đ, phường A, thành phố T**, lực lượng **Công an thành phố T** phát hiện, kiểm tra, thu giữ trong túi quần của **Tường 01** gói ni lông bên trong có chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng và tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Phan Văn T** về hành vi “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Bản giám định số 93/KL-KTHS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận: chất rắn, dạng tinh thể màu trắng gửi đi giám định là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 103,109 gam. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo **Phan Văn T** phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Bản án sơ thẩm số 50/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết tội bị cáo **Phan Văn T** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Khối lượng ma túy mà bị cáo **Phan Văn T** vận chuyển trái phép là 103,109 gam loại Ketamine là rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo **Phan Văn T** là đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền thống nhất quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

Khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định: phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm: a)... ; e) *Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;*

Bị cáo **Phan Văn T** vận chuyển trái phép chất ma túy loại Ketamine có khối lượng 103,109 gam nên bị xét xử theo điểm e Khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, phân tích, đánh giá về tính chất hành vi thực hiện tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **Phan Văn T** là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó, xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 15 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo **Phan Văn T** không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Phan Văn T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Văn T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo **Phan Văn T** phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18 tháng 01 năm 2024.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Phan Văn T** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Thi

Lê Văn Thường

Trần Quốc Cường

